

Số: 242/KH-VNCB- TCCB

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2022

### KẾ HOẠCH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba năm 2022.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 254 /QĐ-VNCB ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba)*

**1. Bổ sung nội dung trong điểm a, mục 1, phần IV của Kế hoạch tuyển dụng viên chức ban hành kèm theo quyết định số 227/VNCB- TCCB ngày 26/8/2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba về điều kiện có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí việc làm như sau:**

- Bảng tốt nghiệp có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển;

- Về trình độ tin học, ngoại ngữ đối với người đăng ký dự tuyển vào viên chức (hạng III) thực hiện theo quy định của UBND Thành phố Hà Nội tại Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 05/07/2017 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội và Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 22/03/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội.

- Về trình độ tin học, ngoại ngữ đối với người đăng ký dự tuyển vào viên chức (hạng IV) thực hiện theo Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ,...điều chỉnh quy định về tiêu chuẩn tin học, ngoại ngữ của từng loại chức danh nghề nghiệp (trừ các chức danh thuộc nhóm ngành khoa học công nghệ và công tác xã hội).

- Đối với các vị trí tuyển dụng mà chức danh nghề nghiệp yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hoặc chứng chỉ hành nghề, nếu thí sinh chưa có thì sau khi trúng tuyển phải hoàn thiện trước khi bổ nhiệm chính thức vào chức danh nghề nghiệp theo quy định.

- Tiêu chuẩn cụ thể về trình độ đào tạo bồi dưỡng của người đăng ký dự tuyển viên chức vào làm việc tại bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba năm 2022 như sau:

| TT | Vị trí.<br>việc<br>làm<br>cần<br>tuyển<br>dụng | Chức<br>danh<br>nghề<br>nghiệp | Mã số<br>chức danh<br>nghề<br>nghiệp | Trình<br>độ       | Ngành<br>hoặc<br>chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Tiêu chuẩn bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số<br>lượng |
|----|------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1  | Bác sĩ                                         | Bác sĩ<br>(hạng<br>III)        | V.08.01.03                           | Bác sĩ<br>nội trú | Nội trú<br>Răng Hàm<br>Mặt                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ Nội trú Răng hàm mặt</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul>              | 01          |
|    |                                                |                                |                                      |                   | Nội trú<br>Nội                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ Nội trú Nội khoa</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul>                  | 01          |
|    |                                                |                                |                                      | Đại<br>học        | Răng<br>Hàm Mặt                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ trở lên chuyên ngành Răng hàm mặt</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul> | 01          |
|    |                                                |                                |                                      |                   | Đa khoa                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ trở lên chuyên ngành Đa khoa.</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul>     | 04          |



| TT | Vị trí<br>việc<br>làm<br>cần<br>tuyển<br>dụng | Chức<br>danh<br>nghề<br>nghiệp | Mã số<br>chức danh<br>nghề<br>nghiệp | Trình<br>độ | Ngành<br>hoặc<br>chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Tiêu chuẩn bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số<br>lượng |
|----|-----------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    |                                               |                                |                                      |             | Chẩn<br>đoán hình<br>ảnh                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp Bác sỹ trở lên chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul> | 01          |
|    |                                               |                                |                                      |             | Xét<br>nghiệm                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp Bác sỹ trở lên chuyên ngành Xét nghiệm</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul>         | 01          |
|    |                                               |                                |                                      |             | Y học cổ<br>truyền                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp Bác sỹ trở lên chuyên ngành Y học cổ truyền</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul>    | 01          |
|    |                                               |                                |                                      |             | Tai Mũi<br>Họng                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp Bác sỹ trở lên chuyên ngành Tai Mũi Họng</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul>       | 04          |

| TT | Vị trí<br>việc<br>làm<br>cần<br>tuyển<br>dụng | Chức<br>danh<br>nghề<br>nghị<br>ệp | Mã số<br>chức<br>danh<br>nghề<br>nghị<br>ệp | Trình<br>độ            | Ngành<br>hoặc<br>chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Tiêu chuẩn bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                                   | Số<br>lượng |
|----|-----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    |                                               |                                    |                                             |                        | Nhi khoa                                    | Có bằng tốt nghiệp Bác sỹ<br>trở lên chuyên ngành Nhi<br>khoa<br>- Có trình độ tin học đạt<br>chuẩn kỹ năng sử dụng công<br>nghệ thông tin cơ bản hoặc<br>tương đương trở lên<br>- Có trình độ Ngoại ngữ<br>trình độ bậc 2 (A2) hoặc<br>tương đương trở lên           | 02          |
| 2  | Điều<br>dưỡng<br>đại học                      | Điều<br>dưỡng<br>hạng<br>III       | V.08.05.12                                  | Đại<br>học             | Điều<br>dưỡng                               | - Tốt nghiệp đại học trở lên<br>chuyên ngành Điều dưỡng<br>- Có trình độ tin học đạt<br>chuẩn kỹ năng sử dụng công<br>nghệ thông tin cơ bản hoặc<br>tương đương trở lên<br>- Có trình độ Ngoại ngữ<br>trình độ bậc 2 (A2) hoặc<br>tương đương trở lên                 | 01          |
| 3  | Điều<br>dưỡng<br>cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng<br>hạng<br>IV        | V.08.05.13                                  | Cao<br>đẳng<br>trở lên | Điều<br>dưỡng                               | - Tốt nghiệp cao đẳng Điều<br>dưỡng trở lên                                                                                                                                                                                                                           | 23          |
| 4  | Kỹ<br>thuật y<br>đại học                      | Kỹ<br>thuật y<br>hạng<br>III       | V.08.07.18                                  | Đại<br>học             | Kỹ thuật<br>hình ảnh y<br>học               | - Tốt nghiệp đại học trở lên<br>chuyên ngành Kỹ thuật hình<br>ảnh y học<br>- Có trình độ tin học đạt<br>chuẩn kỹ năng sử dụng công<br>nghệ thông tin cơ bản hoặc<br>tương đương trở lên<br>- Có trình độ Ngoại ngữ<br>trình độ bậc 2 (A2) hoặc<br>tương đương trở lên | 01          |
| 5  | Kỹ<br>thuật y<br>cao<br>đẳng                  | Kỹ<br>thuật y<br>hạng<br>IV        | V.08.07.19                                  | Cao<br>đẳng<br>trở lên | Kỹ thuật<br>hình ảnh y<br>học               | - Tốt nghiệp cao đẳng trở lên<br>chuyên ngành Kỹ thuật hình<br>ảnh y học                                                                                                                                                                                              | 03          |
|    |                                               |                                    |                                             |                        | Kỹ thuật<br>xét<br>nghiệm y                 | - Tốt nghiệp cao đẳng trở lên<br>chuyên ngành Kỹ thuật xét<br>nghiệm y học                                                                                                                                                                                            | 02          |



| TT | Vị trí<br>việc<br>làm<br>cần<br>tuyển<br>dụng | Chức<br>danh<br>nghề<br>nghiệp | Mã số<br>chức danh<br>nghề<br>nghiệp | Trình<br>độ            | Ngành<br>hoặc<br>chuyên<br>ngành<br>đào tạo                                | Tiêu chuẩn bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số<br>lượng |
|----|-----------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    |                                               |                                |                                      |                        | học                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
| 6  | Dược<br>sỹ                                    | Dược<br>sỹ hạng<br>III         | V.08.08.22                           | Đại<br>học             | Dược                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Dược</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul>                        | 02          |
| 7  | Dược<br>sĩ cao<br>đẳng                        | Dược<br>hạng<br>IV             | V.08.08.23                           | Cao<br>đẳng<br>trở lên | Dược                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp cao đẳng Dược trở lên</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                               | 02          |
| 8  | Kỹ sư                                         | Kỹ sư<br>(hạng<br>III)         | V.05.02.07                           | Đại<br>học             | Kỹ thuật<br>điện tử<br>viễn thông                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul> | 02          |
|    |                                               |                                |                                      |                        | Công<br>nghệ<br>thông tin                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Công nghệ thông tin</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ trình độ bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên</li> </ul>                                                                                                                      | 01          |
| 9  | Nghiệp<br>vụ Tổ<br>chức<br>cán bộ             | Chuyên<br>viên                 | 01.003                               | Đại<br>học             | Luật hoặc<br>Hành<br>chính<br>hoặc Quản<br>trị nhân<br>lực hoặc<br>Kinh tế | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Luật hoặc Hành chính hoặc Quản trị nhân lực hoặc Kinh tế</li> <li>- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên</li> <li>- Có trình độ Ngoại ngữ</li> </ul>                 | 01          |

| .TT       | Vị trí<br>việc<br>làm<br>cần<br>tuyển<br>dụng | Chức<br>danh<br>nghề<br>nghiệp | Mã số<br>chức danh<br>nghề<br>nghiệp | Trình<br>độ | Ngành<br>hoặc<br>chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Tiêu chuẩn bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                               | Số<br>lượng |
|-----------|-----------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|           |                                               |                                |                                      |             |                                             | trình độ bậc 2 (A2) hoặc<br>tương đương trở lên                                                                                                                                                                                                                   |             |
| 10        | Kế<br>toán<br>đại học                         | Kế<br>toán<br>viên             | 06.031                               | Đại<br>học  | Kế toán                                     | - Tốt nghiệp đại học trở lên<br>chuyên ngành Kế toán - Có<br>trình độ tin học đạt chuẩn kỹ<br>năng sử dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản hoặc tương<br>đương trở lên<br>- Có trình độ Ngoại ngữ<br>trình độ bậc 2 (A2) hoặc<br>tương đương trở lên                | 01          |
|           |                                               |                                |                                      |             | Tài chính<br>ngân hàng                      | - Tốt nghiệp đại học trở lên<br>chuyên ngành Tài chính<br>ngân hàng<br>- Có trình độ tin học đạt<br>chuẩn kỹ năng sử dụng công<br>nghệ thông tin cơ bản hoặc<br>tương đương trở lên<br>- Có trình độ Ngoại ngữ<br>trình độ bậc 2 (A2) hoặc<br>tương đương trở lên | 01          |
| Tổng cộng |                                               |                                |                                      |             |                                             | 56                                                                                                                                                                                                                                                                |             |

**2. Điều chỉnh phần VI của Kế hoạch tuyển dụng viên chức ban hành kèm theo quyết định số 227/VNCB- TCCB ngày 26/8/2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba về thời gian tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển, như sau:**

Gia hạn thời gian tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển viên chức mới và bổ sung thông tin trong phiếu đăng ký dự tuyển đối với thí sinh đã nộp phiếu đăng ký dự tuyển viên chức năm 2022.

- Thời gian: Trong giờ hành chính, bắt đầu từ ngày 07/10/2022 đến 17h ngày 05/11/2022 (trừ các ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật).

+ Buổi sáng từ 8 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Đối với thí sinh đã nộp phiếu đăng ký dự tuyển trong thời gian từ ngày 31/8/2022 đến ngày 29/9/2022 nếu chưa khai thông tin đào tạo, bồi dưỡng về



trình độ tin học, ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển thì phải khai bổ sung thông tin tin học, ngoại ngữ vào phiếu đăng ký dự tuyển.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ cùng với hai ảnh màu 4x6cm ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh sau ảnh, 03 phong bì có ghi rõ địa chỉ để liên hệ báo tin cho thí sinh trong quá trình tuyển dụng. (Mẫu phiếu được đăng trên website của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba, địa chỉ <https://vietnamcuba.vn>).

- Địa chỉ và địa điểm tiếp nhận: Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam- CuBa (Tầng 3, khu nhà A, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-CuBa, số 37 Hai Bà Trưng, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội). Điện thoại liên hệ: 024.38255954.

- Bệnh viện không tiếp nhận bất kỳ phiếu đăng ký dự tuyển cũng như phiếu bổ sung thông tin nào của thí sinh đến đơn vị sau 17h00 ngày 05/11/2022 bao gồm cả phiếu gửi qua đường bưu điện.

**3. Điều chỉnh mục 1, phần VII của Kế hoạch tuyển dụng viên chức ban hành kèm theo quyết định số 227/VNCB- TCCB ngày 26/8/2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba về thời gian tổ chức xét tuyển như sau :**

- Xét tuyển vòng 1: Từ ngày 07/11/2022 đến 10/11/2022.
- Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự Vòng 2: Dự kiến ngày 10/11/2022 đến ngày 12/11/2022.
- Thời gian tổ chức xét tuyển vòng 2 (phỏng vấn): Dự kiến từ ngày 20/11 đến ngày 26/11/2022”

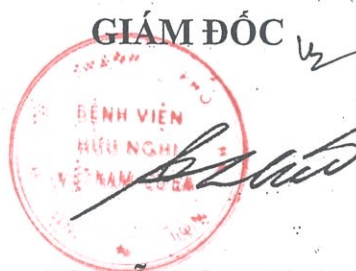
Trên đây là điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba năm 2022.

Thí sinh cập nhật thông tin về kỳ tuyển dụng viên chức năm 2022 trên trang Website và bảng tin của bệnh viện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những thay đổi Bệnh viện sẽ thông báo trên Website và bảng tin của Bệnh viện.

**Nơi nhận :**

- Sở Nội vụ, Sở Y tế : để báo cáo
- Ban giám đốc BV : để chỉ đạo thực hiện
- Các khoa, phòng BV
- Niêm yết tại: bản tin Bệnh viện
- Đăng tải : trên trang website BV
- Lưu: TCCB.



**Nguyễn Đình Phúc**

